

# T'oung Pao và Ai Từ về Petrus Trương Vĩnh Ký

Trần Thạnh (PK 1968-1975)

Tạp chí *T'oung Pao* (Thông Báo, 通報) là tạp chí Pháp ngữ nghiên cứu về Đông phương học lâu đời nhất và uy tín nhất thế giới. Được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1890 bởi nhà in E. J. Brill ở thành phố Leiden (Hà Lan), thuở ban đầu tạp chí có tên là *T'oung Pao ou Archives pour servir à l'étude de l'histoire, des langues, la géographie et l'ethnographie de l'Asie Orientale (Chine, Japon, Corée, Indo-Chine, Asie Centrale et Malaisie)*.

Điểm qua thành phần chánh chủ bút đầu tiên và hiện nay của tờ báo, chúng ta có thể thấy được uy tín khoa học của nó.

Hai chánh chủ bút đầu tiên và cũng là thành viên sáng lập của T'oung Pao là Henri Cordier (1849–1925) và Gustav Schlegel (1840–1903). Ông Cordier là Chủ tịch Hội Địa Lý Pháp Quốc, một nhà ngôn ngữ học, sử học, dân tộc học, và Đông phương học nổi tiếng. Ông Schlegel là một nhà Hán học và tự nhiên học danh tiếng người Hà Lan [Nguồn:

[http://en.wikipedia.org/wiki/Henri\\_Cordier](http://en.wikipedia.org/wiki/Henri_Cordier) và [http://en.wikipedia.org/wiki/Gustaaf\\_Schlegel](http://en.wikipedia.org/wiki/Gustaaf_Schlegel)].

Hiện nay các chánh chủ bút của tờ báo là Pierre-Étienne Will (Collège de France, Paris, France), Martin Kern (Princeton University, USA), và Paul W. Kroll (University of Colorado at Boulder, USA), các giáo sư của những đại học hàng đầu thế giới [Nguồn: [http://www.brill.com/toung-pao#EDIBOA\\_0](http://www.brill.com/toung-pao#EDIBOA_0)]. Tưởng cũng cần nhắc lại Collège de France và Princeton University là hai cơ sở đào tạo các nhà bác học của Pháp và Hoa Kỳ.

Trong số báo thứ 3, quyển 1, phát hành năm 1890, ở trang 261–268, Chánh Chủ Bút Henri Cordier đã viết một bài ai từ (obituary, nécrologie) về Petrus Trương Vĩnh Ký [Nguồn: <http://www.jstor.org/stable/4525461>]. Đây là bài viết đầu tiên về một người Việt Nam, và từ đó đến nay trong lịch sử hơn 120 năm của *T'oung Pao*, không biết có người Việt Nam nào khác được vinh dự nhắc đến trên tạp chí nghiên cứu nổi tiếng bằng Pháp ngữ này hay không?

Cũng cần nói thêm về một thông lệ của giới học thuật từ xưa đến nay. Vào mỗi dịp sinh nhật quan trọng (60, 65, 70 tuổi, ...) của những nhà nghiên cứu hàng đầu thế giới, các đồng nghiệp thường tổ chức một hội nghị khoa học để vinh danh cá nhân này. Khi những vị này mãn phần, tin tức sẽ được truyền đi toàn thế giới, ngày nay bằng phương tiện email, ngày xưa là các ai từ đăng trên tạp chí một cách trân trọng.

Đối với trường hợp của Trương Vĩnh Ký, điều này không chỉ xảy ra một lần. Tên Ông được Henri Cordier một lần nữa nhắc đến trong bài khảo cứu *Les Etudes Chinoises* (1899–1902) đăng ở số 1, quyển 4, trang 23-52, năm 1903. Tên Ông đứng đầu trong danh sách 41 nhà nghiên cứu đã quá vãng (nécrologie). Điều này nói lên uy tín của Trương Vĩnh Ký trong giới học thuật thời bấy giờ.

Henri Cordier đã viết gì về Trương Vĩnh Ký trong bài ai từ dài 8 trang vào năm 1900? Ở đây chúng ta nên gác qua những khác biệt về tư tưởng chính trị. Cũng không nên quá chú ý về quan điểm trong ngôn từ của một nhân vật có địa vị xã hội thời bấy giờ, mà bài ai từ của Cordier nhắc tới. Cái chúng ta muốn tìm hiểu là giới học thuật và vị chánh chủ bút *T'oung Pao* đã nghĩ gì về nhà bác ngữ học họ Trương. Xin lược dịch và trích dẫn:

Học giả danh tiếng người An Nam này qua đời vào tháng 9 năm 1898, và thật là một sự sơ xuất đáng tiếc chúng tôi đã không thông báo sự mất mát to lớn này. Ông được an táng vào ngày Thứ Ba 6 tháng 9 tại Chợ Quán. Một Ủy viên Hội đồng người bản xứ, ông Trần Bá Thọ, đã đọc lời vĩnh biệt người giáo sư cũ. Chúng tôi xin được trích dẫn vài lời từ bài diễn văn đó.

*“Ngay từ thuở thiếu thời, không cưỡng lại được sự quyến rũ của việc học hỏi Pháp ngữ, Petrus Ký đã miệt mài để đạt được một sự hiểu biết hoàn chỉnh ngôn ngữ này, và Ông đã sử dụng nó để phục vụ nước Pháp từ những ngày đầu chinh phục.*

*“Là giáo sư trường Tham Biện Hậu Bô, cùng với Philastre và Luro, Ông đã góp phần vào việc hình thành một đội ngũ đáng kể các viên chức hành chánh, nhiều người trong số họ đã trở thành bạn của Ông và duy trì những kỷ niệm thân niên về người thầy đầu tiên của mình.*

*“Qua việc dịch thuật các tác giả chính yếu của Việt Nam và Trung Hoa, Ông đã đóng góp quan trọng trong việc phổ biến chữ quốc ngữ. Ngay cả ở phút cuối đời, Ông vẫn còn bị ám ảnh bởi ý nghĩ muốn phổ biến những công trình văn học cuối cùng của mình, trong số đó có bản dịch quyển từ điển của Littré.*

*“Được Toàn Quyền Paul Bert chọn làm nhân vật trung gian với Triều đình Huế, Ông biết gây cảm hứng cho Vua Đồng Khánh, tạo sở thích với tiếng Pháp nơi vị vua này. Với sự hướng dẫn khéo léo của Ông, vị hoàng đế An Nam này chẳng bao lâu sau đã bắt đầu áp dụng những câu*

chào hỏi thân thiện bằng tiếng Pháp đối với các đại diện của nước Cộng Hòa. ...”

Tờ Courrier de Saigon Thứ Tư 7 tháng 9 năm 1898 có bài tường trình về đám tang Trương Vĩnh Ký. Rất đông những nhân vật quan trọng người bản xứ và những đại biểu chính phủ khắp mọi nẻo của Nam Kỳ đã đến viếng.

Hành trang khoa học của Trương Vĩnh Ký thật đáng kính nể. Một phần lớn những trước tác của Ông dành riêng cho việc giảng dạy ngôn ngữ. Ông dịch Tam Tự Kinh và những quyển sách sơ cấp khác, cùng với thi văn và những câu chuyện bình dân. Ông cũng đã dịch Tứ Thư ra quốc ngữ, nhưng chỉ có Đại Học, Trung Dung, và một phần của Mạnh Tử là được in ra bằng nguyên cáo (autographie). Tôi không biết tại sao việc phát hành phần cuối của quyển Mạnh Tử và toàn bộ quyển Luận Ngữ đã bị nhà cầm quyền ngăn lại. Petrus Ký cũng đã công hiến những tác phẩm nhỏ về lịch sử và địa lý của Nam kỳ. Ông cũng đã xuất bản hàng loạt những bài viết ngắn về nhiều chủ đề khác nhau.

Tiếp thay, đối với người ngoại quốc nói chung và những nhà Hán học nói riêng, rất nhiều những quyển sách này chỉ in bằng chữ quốc ngữ mà không có phần dịch ra Pháp ngữ hoặc Hán văn. [Hết trích dẫn.]

Sau đó Henri Cordier đã liệt kê trong 7 trang giấy các tác phẩm của Trương Vĩnh Ký. Ở phần cuối của bài này, chúng tôi sẽ trích đăng lại bản liệt kê này như một tài liệu tham khảo.

Để kết thúc bài viết này, xin được nhắc đến một bài ai từ khác mà Henri Cordier viết 10 năm sau đó, năm 1910. Đó là bài ai từ dành cho Abel des Michels (1833-1910), giáo sư trường Ngôn Ngữ Đông Phương, người đã dịch nhiều tác phẩm quốc ngữ ra tiếng Pháp, trong số đó có *Kim Vân Kiều Tân Truyện*, *Lục Vân Tiên Ca Diễn*, và nhiều trước tác khác của Trương Vĩnh Ký. Hành trang khoa học của vị giáo sư Đại học Sorbonne này được liệt kê trong 2 trang giấy. Một sự so sánh để thấy vị trí của Trương Vĩnh Ký trên diễn đàn học thuật thế giới.

### Bản danh sách các trước tác của P. Trương Vĩnh Ký đăng trong ai từ:

262

NÉCROLOGIE.

1) Abrégé de Grammaire annamite. — P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký. Saigon, Imprimerie impériale, 1867, gr. in-8, pp. 131.

Quốc ngữ, sans caractères.

— Grammaire de la Langue Annamite par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký. Saigon, C. Guillard et Martinon — 1883, in-8, pp. 304.

— Cours de langue mandarine ou de caractères chinois par M. Petrus Ký. Saigon. Collège des Stagiaires. in-fol. autog.

— Cours pratique de langue annamite par M. P. J. B. Tru'o'ng-vinh ký, Directeur et Professeur du Collège des Interprètes. Saigon. Imprimerie Impériale. 1868, pet. in-4, pp. 69.

Quốc ngữ.

— Cours pratique de langue annamite par M. Petrus Ký. Saigon. Collège des Stagiaires, 1874, in-fol. autog.

— Meo luat day hoc tieng Pha-lang-sa. — Tóm lại vẫn vẫn để dạy học trò mới nhập tru'o'ng. P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, Ban in Nhà Nu'o'c. 1869, in-8, pp. 55.

Sans caractères chinois.

— Meo luật dạy học tiếng Pha-lang-sa — Tóm lại vẫn vẫn để dạy học trò mới nhập tru'o'ng cũ' hội đồng các quan coi lại P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký. Paris, Challamel aîné, 1872, in-8, pp. 56.

— Manuel des Ecoles primaires ou simples notions sur les sciences à l'usage des jeunes élèves des Ecoles de l'Administration de la Basse-Cochinchine par P.-J.-B. Tru'o'ng-vinh-ký — 1<sup>er</sup> volume: 1<sup>o</sup> syllabaire quố'c-ngũ'; 2<sup>o</sup> histoire annamite; 3<sup>o</sup> histoire chinoise. — Saigon, Imprimerie du Gouvernement. — 1876, pet. in-8, pp. 364 + 1 p. n. ch. p. l. er.

quố'c ngũ', sans caractères chinois.

...Petit Dictionnaire français-annamite par P. J.-B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon. Imprimerie de la Mission, à Tân-Định. 1884, pet. in-8, pp. II—1192.

quố'c-ngũ', sans caractères chinois.

— 類事譯法 Vocabulaire Annamite — Français-Mots usuels, noms techniques, scientifiques et termes administratifs par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, Rey et Curiol, 1887, in-8, pp. 191.

quố'c-ngũ', sans caractères chinois.

— Guide de la Conversation Annamite — Sách tập nói chuyện

NÉCROLOGIE.

263

tiếng Annam và tiếng Langsa. Par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinon — 1882, in-8, pp. 116 + 1 f. n. ch.

Quốc ngữ', sans caractères chinois.

— Guide de la Conversation annamite — Sách Tập Nói Chuyện Tiếng Annam và Tiếng Phangsa par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký. 2<sup>e</sup> édition... Saigon, C. Guillard et Martinon. — 1855, in-8, pp. 112 à 2 col. + 1 f. n. ch.

Quốc ngữ', sans caractères chinois.

— 初學問津 So' học vấn tân — moi học hỏi bèn — Nouveau étudiant demandant station, lieu de mouillage, in-fol. autog., pp. 72.

Par P. Tru'o'ng Vinh-ký.

— 初學門津國語演歌 So' Học vấn tân Quốc ngữ' diên ca Répertoire pour les nouveaux étudiants P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinon — 1884, in-8, pp. 36.

2) 三字經國語演歌 Tam Tự Kinh Quốc ngữ' diên ca Le Tam Tự Kinh transcrit et traduit en prose et en vers annamites. P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinon — 1884, in-8, pp. 47.

Quốc ngữ' et caractères.

3) 三千字解音 Tam thiên tự giải âm — 字學纂要 Tự Học Toát Yển — Livre élémentaire de 3000 caractères usuels, avec traduction en annamite vulgaire, transcrit en Quốc ngữ' et traduit en français par P.-J.-B. Tru'o'ng-vinh-ký... — Saigon, Rey et Curiol — 1887, in-8, pp. 71.

4) Poème Kim-vân-kiều Truyện Transcrit pour la première fois en quố'c-ngũ' avec des notes explicatives, et précédé d'un résumé succinct du sujet en prose par P.-J.-B. Tru'o'ng-vinh-ký. — Saigòn Bán in Nhà Nu'o'c 1875, pet. in-8, pp. 179.

— N<sup>o</sup>. 1. 蓼雲仙傳 Lục-Vân-Tiên Truyện — Poèmes populaires annamites transcrits en Quốc-ngũ', précédés d'un résumé analytique du sujet de chacun par P. J.-B. Tru'o'ng-vinh-ký 載士張永記 — Prix s 0.15 — Saigon Imprimerie Aug. Bock — 1889, in-12, pp. 79 + pp. 2 n. ch.

— N<sup>o</sup>. 2. 潘陳傳 Phan Trần Truyện — Poèmes populaires annamites transcrits en Quốc ngữ', précédés d'un résumé analytique

du sujet de chacun par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký 載士張永記  
— Prix ₰ 0.10 — Saigon Imprimerie Aug. Bock — 1889, in-12,  
pp. 45 + 1 p. n. ch.

3) *Chuyên Đò'i Xu'a Lu'a nhón láy nhữ'ng chuyên hay và có ích*  
Contes Annamites P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... 3<sup>e</sup> Édition. — Saigon,  
C. Guillard et Martinou — 1883, in-8, pp. 66.

Quốc-ngũ'.

— *傅栞習 Chuyên Đò'i xu'a lu'a* Nhón láy nhữ'ng chuyên hay  
và có ích Contes annamites par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... 4<sup>e</sup> édition  
— Saigon, Aug. Bock — 1888, in-8, pp. 66.

4) *大學國音解義* in-fol. autographié, pp. 89.

Préface en français signée P. Tru'o'ng Vinh Ký, Saigon, 5 oct. 1877.

Quốc-ngũ' et caractères.

— *Ta Hio.* — Texte chinois, mot à mot en annamite vulgaire,  
transcrit ensuite en langage correct, et transcription en langue  
mandarine annamite.

7) L'invariable Milieu transcrit en caractères latins et traduit en anna-  
mite vulgaire par M. Petrus Ký. Saigon Collège des stagiaires. 1875.

— *中庸國音解義* in-fol. autographié, pp. 205.

Préface signée P. Tru'o'ng-vinh-ký.

Quốc-ngũ' et caractères.

8) *孟上集之一* in-fol. pp. 797 autog.

On lit le note suivante sur le titre de l'exemplaire de l'École  
des Langues Orientales vivantes, GG. II. 89 :

«Jusqu'au chapitre Van chu'ng, 5<sup>e</sup> livre. le reste ainsi que  
les Entretiens de Confucius sont en manuscrit; leur autographie  
a été suspendue par l'administration».

9) Cours d'histoire annamite à l'usage des Écoles de la Basse-  
Cochinchine par P.-J.-B. Tru'o'ng-vinh-ký. — 1<sup>er</sup> Volume, com-  
prenant les première, deuxième et troisième époques historiques jus-  
qu'à la seconde dynastie de Lê, de 2874 avant Jésus-Christ jusqu'en  
1428 de l'ère chrétienne. — 1<sup>re</sup> Edition. — Saigon, Imprimerie du  
Gouvernement. 1875, pet. in-8, pp. 184.

— 2<sup>e</sup> Volume, comprenant l'histoire des dynasties de Lê  
et de Nguyễn (cinquième et sixième dynasties de la 3<sup>e</sup> époque histo-  
rique). 1428—1875. — 1<sup>re</sup> Edition. — Ibid., 1877, pet. in-8, pp. 278.

Il y a des exemplaires qui portent, quoique l'histoire soit continuée  
jusqu'en 1879 :

— 2<sup>e</sup> Volume, comprenant l'histoire des dynasties de Lê et  
de Nguyễn (cinquième et sixième dynasties de la 3<sup>e</sup> époque histori-  
que). 1428—1862. — 1<sup>re</sup> Edition. — Saigon, Imprimerie du Gou-  
vernement. 1879, pet. in-8, pp. 278.

En Français.

— *Đài-nam cu'c Sù' kí diên ca* — Transcrit en quốc ngữ  
pour la première fois par P.-J.-B. Tru'o'ng-vinh-ký. — Saigon Ban  
in Nhà Nu'oc 1875, pet. in-8, pp. VIII—58.

Transcription d'une histoire annamite en vers, écrite en 1860  
par le mandarin Lê-ngô-cát, chargé de la rédaction des annales  
de l'Annam sous le règne de Tự đứ'c.

10) *Petit Cours de Géographie de la Basse-Cochinchine* par P.-J.-B.  
Tru'o'ng-vinh-ký. — 1<sup>re</sup> Edition. — Saigon Imprimerie du Gou-  
vernement. 1875, pet. in-8, pp. 51.

En Français.

— *輿圖說畧 Du' Đò Thuyết Lu'oc.* Précis de Géographie.  
Par P.-J.-B. Tru'o'ng-vinh-ký. Tân Định. (Sài gòn.) Imprimerie de  
la Mission. 1887. Propriété de la Mission. in-12, 1 f. n. ch. + pp.  
116. Cartes françaises en couleurs.

Quốc ngữ, sans caractères chinois.

11) *自述往北圻傳 Voyage au Tonking en 1876.* — *Chuyên*  
*đi Bắc-kì năm 'Át-Ho'i* (1876). P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon,  
C. Guillard et Martinou, 1881, in-8, pp. 32.

Quốc-ngũ'.

— *張良從赤松子遊賦 Tru'o'ng-Lu'o'ng Tàng Xích-*  
*tông-tử du phú.* — Retraite et Apothéose de Tru'o'ng-Lu'o'ng —  
P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou, 1881,  
in-8, pp. 7.

Ibid.

— *張留侯賦 Tru'o'ng-Lu'u-Hầu Phú.* — Apologie de  
Tru'o'ng-Lu'o'ng — P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard  
et Martinou — 1882, in-8, pp. 17.

Ibid.

— *古嘉定風景咏嘉定失守咏 Cổ Gia-Định phong-*  
*cảnh vịnh Gia-Định thất thủ vịnh* — Saigon d'autrefois — P. J. B.

Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou, 1882, in-8,  
pp. 12 + 1 f. n. ch.

Ibid.

— *今嘉定風景咏 Kim Gia-Định phong-cảnh vịnh* —  
Saigon d'aujourd'hui — P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C.  
Guillard et Martinou, 1882, in-8, p. 11.

Ibid.

— *Chuyên khôi-hài.* — *Passe-Temps* — P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký..  
Saigon, C. Guillard et Martinou. — 1882, in-8, pp. 16.

Ibid.

— *劫風塵 Kiép Phong-trần.* — *Événements de la Vie* par  
P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou. —  
1882, in-8, pp. 10.

Ibid.

— *女則 Na-tắc.* — *Devoirs des Filles & des Femmes* —  
P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou —  
1882, in-8, pp. 27.

Ibid.

— *書孃戒昆 Tho' mẹ dạy con.* — *Une Mère à sa Fille*  
— P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou,  
1882, in-8, pp. 12.

Ibid.

— *書吡濫媼 Tho' dạy làm dâu.* — *La Bru.* P. J. B. Tru'o'ng-  
vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou — 1882, in-8, pp. 13.

Ibid.

— *不强 Bat cu'ng.* *Chó' cu'ng làm chi.* — *Fais ce que dois,*  
*advienne que pourra,* par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C.  
Guillard et Martinou — 1882, in-8, pp. 8.

Ibid.

— *訓女歌 Huấn nữ ca,* của Đặng-Huỳnh-Trung Lâm. —  
*Défauts & qualités des Filles et des Femmes* — P. J. B. Tru'o'ng-  
vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou, 1882, in-8, pp. 36.

Ibid.

— *Thầy Trò vé luật-mẹo léo-l'ót tiếng Phalangsa.* Maître et élève

Sur la Grammaire de la Langue française par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký..  
Saigon, C. Guillard et Martinou, 1883, in-8, pp. 23.

Ibid.

— *安南禮節 Phép Lịch sự Annam.* Les Convenances et les  
Civilités annamites par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C.  
Guillard et Martinou, 1883, in-8, pp. 52.

Ibid.

— *家訓歌 Gia-Huấn-ca.* Ecole domestique. Un Père à ses  
Enfants. P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou,  
1883, in-8, pp. 44.

Ibid.

— *排戲昆駝 Bại kịch con quạ.* — *Proscription des corbeaux*  
— P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou,  
1883, in-8, pp. 7.

Ibid.

— *盛衰否泰賦 Thạnh suy bĩ thối phú* — *Caprices de la*  
*Fortune* — P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et  
Martinou, 1883, in-8, pp. 7.

Ibid.

— *寒儒風味賦 Học trò khó phú* — *Un Lettré pauvre* —  
P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, C. Guillard et Martinou, 1883,  
in-8, pp. 6.

Ibid.

— *訓蒙曲歌 Huấn Mông Khúc ca* — *Sách dạy trẻ nhỏ*  
*học chữ* nhu. Âm ra chữ Quốc-ngũ', giải nghĩa tiếng Annam, tiếng  
Phangsa. Par P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon, Imprimerie de la  
Mission, 1884, in-8, pp. 47.

Quốc ngữ, caractères et français.

— *魚樵長調 Ngư Tiều Tru'o'ng Điệu.* — *Pêcheur et Bu-*  
*cheron.* — P. J. B. Tru'o'ng-vinh-ký... Saigon. Imprimerie de  
la Mission. 1885, in-8, pp. 8.

Quốc ngữ, sans caractères chinois.

— *縹緲詞 Mác Bệnh cúm tứ.* — *La Dingue* — P. J. B.  
Tru'o'ng-vinh-ký. Saigon. Imprimerie de la Mission, 1885, in-8, pp. 3.  
Ibid.

— Cờ-bac Nha-phiếu. — Des Jeux de hasard et de l'opium. En prose et en vers. Bảng tiếng thu'ng và văn-thơ'. Par P.-J.-B. Tru'ng-vinh-ký. — Saigon. Imprimerie de la Mission, pet. in-8, pp. 82.

Quốc-ngũ'.

\* Phong hóa diều hành. Morale en actions. Saigon, 1885, in-8.

— 畜六 *Luc Sic.* — Les Six Animaux domestiques. Par P.-J.-B. Tru'ng-vinh-ký... Saigon. Imprimerie de la Mission. 1887, in-8, p. 22.

Ibid.

\* Dispute de mérite entre les six animaux domestiques. Saigon, 1887, in-8.

<sup>12)</sup> Institutions et moeurs annamites. (*Philosophie positive*. Nov.-déc. 1879, pp. 401—413; janv.-fév. 1880, pp. 117—127; mars-avril 1880, pp. 256—272).

En français.

— Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs. Conférence faite au Collège des Interprètes par M. P. Tru'ng vinh ký. (*Excursions et Reconnaissances*, X, 23, Mai-Juin 1885, pp. 5—32).

En français.

Henri CORDIER.



Chân dung Trương Vĩnh Ký

